TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2019/DS-ST
Ngày: 10/12/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Tường Thoại và bà Trần Thị Thanh Xuân.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2019/DSST ngày 26/6/2019; Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị Phương L; Địa chỉ: 2/32 đường Đ, phường T, thành phố Huế, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Bình M, bà Hoàng Thị Quỳnh U; Địa chỉ: Lô L15 Khu quy hoạch B, phường T, thành phố Huế. Địa chỉ liên lạc: Số 10 đường T (trường Đại học nghệ thuật thành phố Huế), thành phố Huế, đều vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Thiết H; Địa chỉ: 2/32 đường Đ, phường T, thành phố Huế, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày: Do quan hệ bạn bè nên vào ngày 22/01/2016, bà L có cho vợ chồng ông Phạm Bình M, bà Hoàng Thị Quỳnh U mượn của bà 50.000.000 đồng và 20 chỉ vàng. Việc mượn tiền có viết giấy và hẹn 07 tháng sau sẽ thanh toán. Sau khi mượn tiền, ông M bà U có trả 48.000.000 đồng, còn nợ 2.000.000 đồng và 20 chỉ vàng nên bà khởi kiện yêu cầu ông M bà U trả cho bà 2.000.000 đồng và 20 chỉ vàng (tính giá vàng ngày khởi kiện là 3.300.000 đồng). Tổng cộng 68.000.000 đồng.

Trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, bà L thống nhất xác định lại số tiền vàng còn nợ và yêu cầu tính giá trị vàng tại thời điểm hiện nay. Cụ thể bà L yêu cầu vợ chồng ông M bà U trả số tiền còn nợ: 2.000.000đồng và 17 chỉ vàng, theo giá hiện tại 4.100.000đồng/chỉ [(17 chỉ vàng x 4.100.000đồng) + 2.000.000đồng = 71.700.000đồng]. Tổng số tiền bà L yêu cầu vợ chồng ông M bà U thanh toán là 71.700.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày: Thống nhất với lời khai của bà L về quá trình mượn số tiền vàng như trên và hiện nay còn nợ của bà L 2.000.000 đồng và 17 chỉ vàng (tương đương với 71.700.000 đồng). Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do vợ chồng đã ly hôn nên ông nhận trách nhiệm trả nợ một mình đối với toàn bộ khoản nợ cho bà L ông H.

Người có quyền lợi nghiã vụ liên quan (chồng của bà L) trình bày: Thống nhất với lời khai của bà L; đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông M bà U phải trả cho vợ chồng ông số tiền 2.000.000 đồng và 17 chỉ vàng.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã bảo đảm được quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự nên không có ý kiến gì.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 58, Điều 262; Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 để giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; Buộc ông M, bà U phải thanh toán cho bà Cao Thị Phương L, ông Hồ Thiết H số tiền 2.000.000đồng và 17 chỉ vàng 9999 (quy đổi 4.100.000 đồng/chỉ, tương đương 69.700.000đồng) tổng cộng là 71.700.000 đồng.

Buộc ông M bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông M, bà U đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên toà. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà U.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với việc bà L thay đổi một phần nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông M bà U trả 2.000.000 đồng và 17 chỉ vàng, tương đương 71.700.000đồng là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2] Trong quá trình thụ lý giải quyết, phía bị đơn ông M công nhận còn nợ của vợ chồng bà L số tiền và vàng chưa trả, tổng giá trị toàn bộ là 71.700.000đồng. Đây là khoản nợ chung của ông M và bà U trong thời kỳ hôn nhân tồn tại (ngày 13/9/2017, ông M bà U mới ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 446/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế), nên Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông M bà U phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà L ông H số tiền 71.700.000đồng như Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà U không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2.3] Đối với ý kiến của bị đơn ông M xin được một mình trả nợ cho vợ chồng bà L ông H và trả nợ dần hàng tháng với số tiền 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi trả hết số tiền nợ. Đề nghị của ông M, tại phiên tòa bà L không đồng ý việc cho trả nợ dần. Hơn nữa, do ông M bà U vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận đề nghị của ông M.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông M, bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.585.000đồng (71.700.000đồng x 5%).

- Bà Cao Thị Phương L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Cao Thị Phương L số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 1.700.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 119, 280, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Phương L.

[2]. Buộc ông Phạm Bình M, bà Hoàng Thị Quỳnh U phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Cao Thị Phương L, ông Hồ Thiết H số tiền nợ 2.000.000 đồng và 17 chỉ vàng (4.100.000 đồng/1 chỉ vàng, tương đương 69.700.000đồng). Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 71.700.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Ông Phạm Bình M, bà Hoàng Thị Quỳnh U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.585.000đồng.

- Bà Cao Thị Phương L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Cao Thị Phương L số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 1.700.000đồng theo biên lai thu tiền số 008141 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế